

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST

Ngày: 30/7/2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H T, TỈNH TÂY NINH**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Quang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

M. Ông **Trần Văn Thạch**.

2. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H T, tỉnh Tây Ninh.

- D diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H T, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 20M8, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H T, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/20M8/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 20M8 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/20M8/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 20M8 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/20M8/QĐST-DS ngày M2 tháng 7 năm 20M8, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thùy T**, sinh năm M975.

Địa chỉ: Số 25 ấp Long D, xã Long T B, huyện H T, tỉnh Tây Ninh.

Người D diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm M959 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 62/M Khu phố M, thị trấn H T, huyện H T, tỉnh Tây Ninh.

(Theo giấy ủy quyền số chứng thực 2M6, Quyền số 0M/20M8/SCT/CK, ĐC được lập tại Ủy ban nhân dân xã Long T B, huyện H T, tỉnh Tây Ninh ngày M4/3/20M8).

- Bị đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm M963 (vắng mặt).

Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm M963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 2M/3 ấp Trường T, xã Trường H, huyện H T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/20M8 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người D diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên ngày 02/4/20M6, bà T có cho vợ chồng ông H và bà L vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên có làm giấy nhận nợ do ông H, bà L cùng ký tên, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, thỏa thuận đến ngày MM/4/20M6 sẽ trả vốn gốc và lãi, mục đích ông H, bà L vay tiền để mua gỗ về kinh doanh. Đến ngày 25/5/20M6, bà T tiếp tục cho ông H, bà L vay số tiền 20.000.000 đồng, khi vay tiền, hai bên cũng có làm giấy nhận nợ do ông H, bà L cùng ký tên, hai bên cũng thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận trong thời hạn một tháng sẽ trả vốn gốc và lãi, mục đích ông H, bà L vay tiền để mua gỗ về kinh doanh. Từ ngày vay hai khoản tiền này đến nay, ông H và bà L có trả cho bà T được số tiền lãi M.000.000 đồng, chưa trả tiền vay vốn gốc.

Nay ra tòa, bà T yêu cầu vợ chồng ông H và bà L cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền vay còn nợ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi theo lãi suất quy định của pháp luật, đồng ý khấu trừ số tiền lãi M.000.000 đồng mà bà T đã nhận.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà L và ông H vắng mặt không có lý do.

D diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người D diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn là bà L và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H, bà L và ông H là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do chỗ quen biết nhau nên ngày 02/4/20M6, bà T có cho vợ chồng ông H, bà L vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên có làm giấy nhận nợ do ông H, bà L cùng ký tên. Hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, thỏa thuận đến ngày MM/4/20M6 sẽ trả vốn và lãi, mục đích ông H, bà L vay tiền để mua gỗ về kinh doanh.

Đến ngày 25/5/20M6, bà T có cho ông H và bà L vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên cũng có làm giấy nhận nợ do ông H, bà L cùng ký tên, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận trong thời hạn một tháng sẽ trả vốn và lãi. Từ ngày vay hai khoản tiền này đến nay, ông H và bà L chưa trả cho bà T số tiền gốc mà chỉ trả tiền lãi được M.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu ông H, bà L cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền vay còn nợ là 40.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Qua nội dung xác minh thì ông H và bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp Trường T, xã Trường H, huyện H T, tỉnh Tây Ninh và hiện còn đang sinh sống tại địa phương.

Nhận thấy 02 lần vay tiền đều có lập T văn bản do ông H, bà L trực tiếp ký nhận, giấy nợ thể hiện thời hạn trả, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn. Như vậy, kể từ ngày vay, ông H, bà L chưa trả tiền cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn là bà T yêu cầu ông H, bà L trả số tiền vay 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn cung cấp được chứng từ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là 02 giấy mượn tiền do ông H, bà L ký tên. Vì vậy, căn cứ Điều 47M, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông H, bà L trả số tiền 40.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[M] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L là bị đơn có nơi cư trú tại nhà số 2M/3 ấp Trường T, xã Trường H, huyện H T, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện H T, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, người D diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H, bà L vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông H, ông H và bà L là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Từ ngày 02/4/20M6 đến ngày 25/5/20M6, bà T có cho ông H và bà L vay tổng cộng hai lần số tiền 40.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy nhận nợ do ông H và bà L cùng ký tên, mục đích ông H, bà L vay tiền để mua gỗ về sản xuất kinh doanh, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận 0M tháng sau sẽ hoàn trả nợ kể từ ngày viết giấy nợ sau cùng là ngày 25/5/20M6 nhưng đến nay ông H, bà L vẫn chưa trả được vốn gốc cho bà T mà chỉ trả được tiền lãi M.000.000 đồng nên hai bên phát sinh tranh

chấp. Đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 47M Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán thấy rằng: Việc vay tiền giữa bà T với ông H, bà L là có thật vì có biên nhận nợ do ông H, bà L cùng ký tên. Ngày 25/5/20M6, ông H và bà L viết giấy nhận nợ sau cùng, thỏa thuận miệng một tháng sau sẽ hoàn trả nợ nhưng đến hạn ông H, bà L vẫn chưa thanh toán cho bà T số tiền 40.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Xét về nghĩa vụ trả lãi thấy rằng, từ ngày vay hai khoản tiền 40.000.000 đồng đến nay, vợ chồng ông H và bà L chỉ trả cho bà T được tiền lãi M.000.000 đồng rồi ngưng không tiếp tục trả lãi nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông H và bà L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay cho đến nay theo lãi suất quy định của pháp luật.

* Đối với khoản nợ vay 20.000.000 đồng ngày 02/4/20M6, tiền lãi được tính như sau:

$20.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} 28 \text{ ngày}$ (Tính từ ngày vay 02/4/20M6 đến ngày xét xử 30/7/20M8) = 4.M90.000 đồng.

* Đối với khoản nợ vay 20.000.000 đồng ngày 25/5/20M6, tiền lãi được tính như sau:

$20.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} 05 \text{ ngày}$ (Tính từ ngày vay 25/5/20M6 đến ngày xét xử 30/7/20M8) = 3.925.000 đồng.

Như vậy, tiền lãi mà ông H và bà L phải trả cho bà T là 8.MM5.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền lãi bà T đã nhận M.000.000 đồng nên ông H, bà L còn phải trả cho bà T tiếp số tiền lãi 7.MM5.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là $40.000.000 \text{ đồng} + 7.MM5.000 \text{ đồng} = 47.MM5.000 \text{ đồng}$.

[5] Ông H và bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 47M, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/20M6/UBTVQH4 ngày 30/M2/20M6 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

M. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy T đối với ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu trả số tiền vay còn nợ.

Buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thùy T số tiền 47.MM5.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà L không chịu

trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H và bà L còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 20M5.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H và bà L phải chịu 2.355.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị T M.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00M9385 ngày 06/02/20M8 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H T, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- CC.THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.